

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **30**/BNV-ĐT

Hà Nội, ngày **04** tháng **01** năm 2018

V/v báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Kính gửi:

TRUNG TÂM THÔNG TIN	
ĐẾN	Số: ... 27
	Ngày: 08/01/2018
Chuyển:	
.....	

- Vụ (Ban) TCCB các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025,

Bộ Nội vụ đề nghị Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện công việc sau đây:

1. Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017, gồm các nội dung:

a) Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; tình hình thực hiện kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; dự kiến Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018.

b) Thống kê kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017 và dự kiến kế hoạch năm 2018 theo các biểu mẫu được đính kèm cụ thể như sau:

- Các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương: Thống kê số liệu theo các Biểu mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 15, 16;

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thống kê số liệu theo các Biểu mẫu số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16.

c) Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Đề xuất dự kiến kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019.

2. Sử dụng phần mềm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng:

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tiến hành nâng cấp phần mềm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và sẽ được chuyển giao cho các cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thiện để sử dụng, nhập số liệu theo yêu cầu.

Công văn này và các biểu mẫu được đăng tại Website: <http://www.moha.gov.vn>.

3. Thông tin liên hệ:

Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Bộ Nội vụ:

- Đồng chí Nguyễn Đức Nghĩa, điện thoại: 0904672454; Fax: 04.62820408;

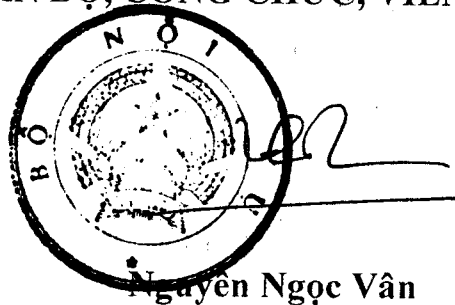
- Email: nguyenducnghia@moha.gov.vn.

Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị các đơn vị chuẩn bị Báo cáo theo đúng yêu cầu, gửi bằng văn bản về Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Triệu Văn Cường (để b/c);
- Trung tâm thông tin Bộ; ✓
- Lưu: VT, ĐT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**



Nguyễn Ngọc Vân

Bộ, ngành TW:

BM - 01/ĐT

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung Đối tượng	Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn (1)				KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý			Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó			
		Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng		Thứ trưởng	Cấp vụ	Cấp phòng					Người dân tộc thiểu số	Nữ		
1	Chuyên viên cao cấp																								
2	Chuyên viên chính																								
3	Chuyên viên																								
4	Cán sự																								
5	Công chức tập sự																								
Tổng số																									

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD công chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách TW: ; Nguồn khác:

Ghi chú: (1) Kết quả đào tạo chuyên môn là số lượt người được cử đi học các trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng trong năm.

(2) Biểu này sử dụng để thống kê số lượt công chức ở các ngạch (bao gồm cả công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Bộ, ngành TW:

BM - 02/ĐT

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM

(Kèm theo công văn số 30 /BNV-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	dung tượng	Nội Đôi	Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chức danh nghề nghiệp				Chuyên môn (1)				Chức vụ quản lý		KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó				
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Cấp phòng	LDQL đơn vị sự nghiệp CL						Người dân tộc thiểu số	Nữ			
1	Viên chức hành chính	Hạng I																												
		Hạng II																												
		Hạng III																												
		Hạng IV																												
Tổng 1																														
2	Viên chức chuyên ngành	Hạng I																												
		Hạng II																												
		Hạng III																												
		Hạng IV																												
Tổng 2																														
Tổng 1+2																														

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD Viên chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách ĐVSNNCL: ; Nguồn khác:

Ghi chú: (1) Kết quả đào tạo chuyên môn là số lượt người được cử đi học các trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng trong năm.

(2) Biểu này sử dụng để thống kê số lượt viên chức ở các hạng (bao gồm cả viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Bộ, ngành TW:

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng / Nội dung		Lý luận chính trị		Quản lý nhà nước			Chức danh nghề nghiệp			Chuyên môn (I)			Chức vụ quản lý			KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó		
			Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Thư trưởng & tương đương	Cấp vụ	Cấp phòng						Người dân tộc thiểu số	Nữ	
1	Công chức	Thư trưởng và tương đương																						
		Cấp vụ và tương đương																						
		Cấp phòng và tương đương																						
		Tổng 1																						
2	Viên chức	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ																						
		Lãnh đạo cấp phòng thuộc ĐVSNCL																						
		Tổng 2																						
		Tổng 1 + 2																						

Ghi chú: (1) Kết quả đào tạo chuyên môn là số lượt người được cử đi học các trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng trong năm.

(2) Biểu này sử dụng để thống kê số lượt công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

3ộ, ngành TW:

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM.....(Kèm theo công văn số **30**/BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung Đối tượng	Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn (1)				KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý			Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó				
		Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng		Thứ trưởng	Cấp vụ	Cấp phòng					Người dân tộc thiểu số	Nữ			
1	Chuyên viên cao cấp																									
2	Chuyên viên chính																									
3	Chuyên viên																									
4	Cán sự																									
5	Công chức tập sự																									
Tổng số																										

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD công chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách TW: ; Nguồn khác:

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Bộ, ngành TW:

BM - 05/ĐT

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM

(Kèm theo công văn số **30**/BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	dung tượng	Nội ĐỐI	Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chức danh nghề nghiệp				Chuyên môn (1)				Chức vụ quản lý		KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó	
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Dại học	Cao đẳng	Cấp phòng	LDQL đơn vị sự nghiệp CL						Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	<i>Viên chức hành chính</i>	Hạng I																									
		Hạng II																									
		Hạng III																									
		Hạng IV																									
Tổng 1																											
2	<i>Viên chức chuyên ngành</i>	Hạng I																									
		Hạng II																									
		Hạng III																									
		Hạng IV																									
Tổng 2																											
<i>Tổng 1+2</i>																											

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD Viên chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách ĐVSNNCL: ; Nguồn khác:

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Bộ, ngành TW:

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung		Lý luận chính trị		Quản lý nhà nước			Chức danh nghề nghiệp			Chuyên môn (1)			Chức vụ quản lý			KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó		
			Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Thứ trưởng & tương đương	Cấp vụ	Cấp phòng						Người dân tộc thiểu số	Nữ	
1	Công chức	Thứ trưởng và tương đương																						
		Cấp vụ và tương đương																						
		Cấp phòng và tương đương																						
Tổng 1																								
2	Viên chức	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ																						
		Lãnh đạo cấp phòng thuộc ĐVSNCL																						
Tổng 2																								
Tổng 1 + 2																								

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

BM - 07/ĐT

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung		Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chuyên môn (1)					KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý				Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó				
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp		Cấp sở	Cấp phòng	Cấp huyện	Cấp xã						Người dân tộc thiểu số	Nữ			
1	Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện	Chuyên viên cao cấp																												
		Chuyên viên chính																												
		Chuyên viên																												
		Cán sự																												
		Công chức tập sự																												
Tổng 1																														
2	Cán bộ, công chức cấp xã	Cán bộ																												
		Công chức																												
Tổng 2																														
3	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã																													
Tổng 1+2+3																														

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD cán bộ, công chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách TW: ; Ngân sách ĐP: ; Nguồn khác:

Ghi chú: (1) Kết quả đào tạo chuyên môn là số lượt người được cử đi học các trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng trong năm.

(2) Biểu này sử dụng để thống kê số lượt cán bộ, công chức ở các ngạch (bao gồm cả cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý), cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30/BNV-ĐT** ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung Đối tượng		Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chức danh nghề nghiệp				Chuyên môn (1)				Chức vụ quản lý		KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó					
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Cấp phòng	LDQL đơn vị sự nghiệp CL							Người dân tộc thiểu số	Nữ				
1	Viên chức hành chính	Hạng I																														
		Hạng II																														
		Hạng III																														
		Hạng IV																														
Tổng 1																																
2	Viên chức chuyên ngành	Hạng I																														
		Hạng II																														
		Hạng III																														
		Hạng IV																														
Tổng 2																																
Tổng 1+2																																

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT. BD cán bộ, công chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách ĐVSNCL: ; Nguồn khác:

Ghi chú: (1) Kết quả đào tạo chuyên môn là số lượt người được cử đi học các trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng trong năm.

(2) Biểu này sử dụng để thống kê số lượt viên chức ở các hạng (bao gồm cả viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung	Lý luận chính trị		Quản lý nhà nước			Chức danh nghề nghiệp			Chuyên môn (1)			Chức vụ quản lý				KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó				
			Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cấp tỉnh	Cấp sở	Cấp huyện	Cấp xã							Người dân tộc thiểu số	Nữ			
1	Cán bộ, công chức	Cấp tỉnh và tương đương																										
		Cấp sở và tương đương																										
		Cấp huyện và tương đương																										
		Cấp phòng và tương đương																										
Tổng 1																												
2	Viên chức	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh																										
		Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thuộc sở																										
		Lãnh đạo cấp phòng thuộc ĐVSNC																										
Tổng 2																												
Tổng 1 + 2																												

Ghi chú: (1) Kết quả đào tạo chuyên môn là số lượt người được cử đi học các trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng trong năm.

(2) Biểu này sử dụng để thống kê số lượt cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

BM - 10/ĐT

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30**/BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung	Bồi dưỡng kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND	Bồi dưỡng, cập nhật	Tổng số	Trong đó	
						Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cấp tỉnh						
2	Cấp huyện						
3	Cấp xã						
Tổng số							

Ghi chú: Biểu này sử dụng để thống kê số lượt đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung		Lý luận chính trị				Quản lý nhà nước				Chức danh nghề nghiệp				Chuyên môn (1)				Chức vụ quản lý		KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó			
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Bồi dưỡng	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Cấp phòng	LDQL đơn vị sự nghiệp CL							Người dân tộc thiểu số	Nữ		
1	Viên chức hành chính	Hạng I																												
		Hạng II																												
		Hạng III																												
		Hạng IV																												
Tổng 1																														
2	Viên chức chuyên ngành	Hạng I																												
		Hạng II																												
		Hạng III																												
		Hạng IV																												
Tổng 2																														
Tổng 1+2																														

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD cán bộ, công chức ở trong nước năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách ĐVSNNCL: ; Nguồn khác:

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng / Nội dung		Lý luận chính trị		Quản lý nhà nước			Chức danh nghề nghiệp			Chuyên môn (1)			Chức vụ quản lý				KT, KN chuyên ngành; Vị trí việc làm	Quốc phòng An ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số	Trong đó				
			Cao cấp	Trung cấp	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cấp tỉnh	Cấp sở	Cấp huyện	Cấp xã							Người dân tộc thiểu số	Nữ			
1	Cán bộ, công chức	Cấp tỉnh và tương đương																										
		Cấp sở và tương đương																										
		Cấp huyện và tương đương																										
		Cấp phòng và tương đương																										
Tổng 1																												
2	Viên chức	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh																										
		Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thuộc sở																										
		Lãnh đạo cấp phòng thuộc ĐVSNNCL																										
Tổng 2																												
Tổng 1 + 2																												

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

BM - 14/ĐT

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở TRONG NƯỚC NĂM.....

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng	Nội dung	Bồi dưỡng kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND	Bồi dưỡng, cập nhật	Tổng số	Trong đó	
						Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cấp tỉnh						
2	Cấp huyện						
3	Cấp xã						
Tổng số							

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Bộ, ngành, địa phương:

BM - 15/ĐT

**KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG NĂM.....**

(Kèm theo công văn số **30** /BNV-ĐT ngày **04** tháng **01** năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Đối tượng		Nội dung	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng								Thời gian			Tổng số	Trong đó			
				Quản lý, điều hành chương trình KT - XH	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước, chuyên ngành, lĩnh vực	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	Chính sách công, dịch vụ công	Kiến thức hội nhập	Phương pháp giảng dạy	Ngoại ngữ	Nội dung khác	Trên 1 năm	Từ 1 - 12 tháng		Dưới 1 tháng	Người dân tộc thiểu số	Nữ	
1	Cán bộ, CC lãnh đạo, quản lý	Lãnh đạo cấp Bộ, ngành TW và lãnh đạo cấp tỉnh																	
		Cấp vụ, sở, huyện và tương đương																	
		Cấp phòng và tương đương																	
Tổng 1																			
2	Công chức tham mưu, hoạch định chính sách																		
3	Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng																		
4	Đối tượng khác																		
Tổng 1 + 2 + 3 + 4																			

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD cán bộ, công chức, viên chức nước ngoài năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách TW: ; Ngân sách ĐP: ; Nguồn khác

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị

Bộ, ngành, địa phương:

BM - 16/ĐT

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG NĂM.....**

(Kèm theo công văn số 30/BNV-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ)

Đơn vị tính: lượt người

TT	Nội dung		Nội dung đào tạo, bồi dưỡng									Thời gian			Tổng số	Trong đó			
			Quản lý, điều hành chương trình KT - XH	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước, chuyên ngành, lĩnh vực	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	Chính sách công, dịch vụ công	Kiểm thức hội nhập	Phương pháp giảng dạy	Ngoại ngữ	Nội dung khác	Trên 1 năm	Từ 1 - 12 tháng	Dưới 1 tháng		Người dân tộc thiểu số	Nữ		
1	Cán bộ, CC lãnh đạo, quản lý	Lãnh đạo cấp Bộ, ngành TW và lãnh đạo cấp tỉnh																	
		Cấp vụ, sở, huyện và tương đương																	
		Cấp phòng và tương đương																	
Tổng 1																			
2	Công chức tham mưu, hoạch định chính sách																		
3	Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng																		
4	Đối tượng khác																		
Tổng 1 + 2 + 3 + 4																			

Kinh phí sử dụng cho công tác ĐT, BD cán bộ, công chức, viên chức nước ngoài năm.....(ĐVT: triệu đồng)

Trong đó: Ngân sách TW:

; Ngân sách ĐP:

; Nguồn khác

Người lập biểu

Lãnh đạo đơn vị